CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Ngày 30/09/2024	18,750 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.3%	**-0.5%**	**-**

DT thuần
Q3/24
2,675
tỷ VNĐ
QoQ: ▼139| -4.9%
YoY: ▲ 293| 12.3%

LN thuần
Q3/24
187
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.0| 6.9%
YoY: ▲ 104| 124%

LN sau thuế
Q3/24
147
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.0| 9.3%
YoY: ▲ 120| 436%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
10.7%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE (TTM)
Q3/24
7.6%
YoY: +/-▼ 0.3%

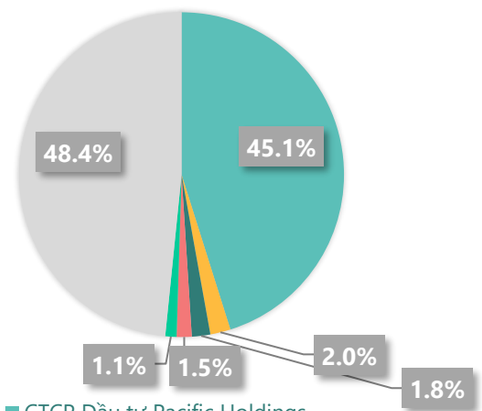
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,400 - 23,080
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,224
Số lượng CPLH (CP)	598,593,458
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,975,266
Sở hữu nước ngoài	9.9%
Beta	1.22
EPS	1,315
P/E	14.3

DT thuần
9T 2024
8,139
tỷ VNĐ
YoY: ▼776| -8.7%

LN thuần
9T 2024
926
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 581| 169%

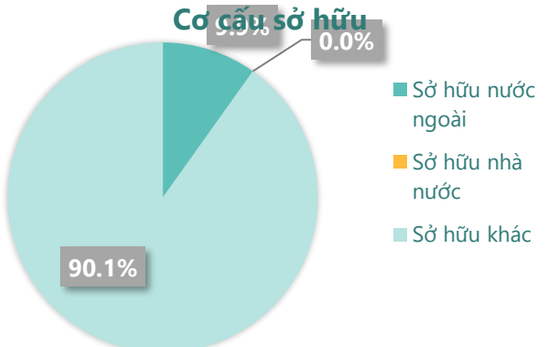
LN sau thuế
9T 2024
766
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 561| 274%

Cơ cấu cổ đông



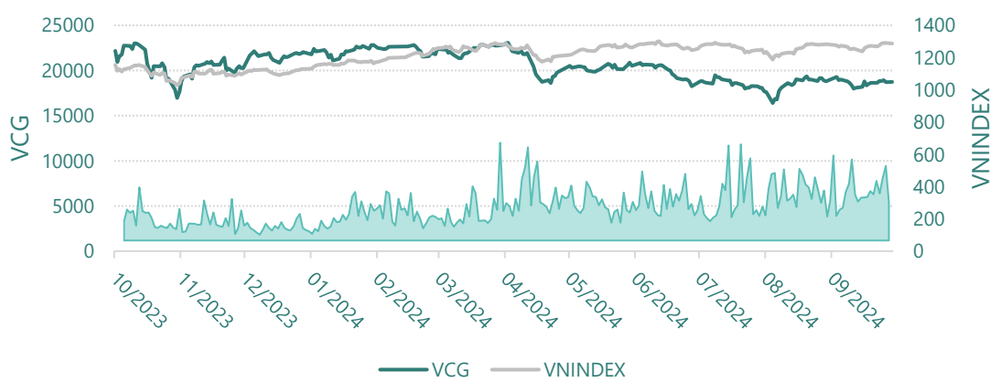
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



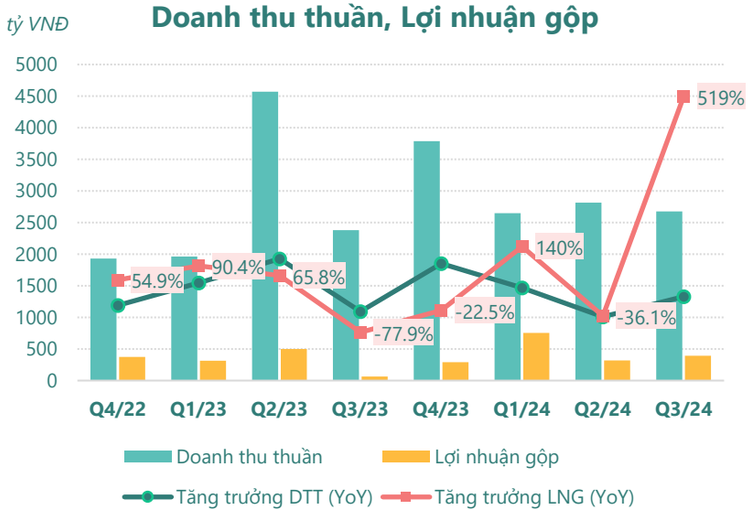
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



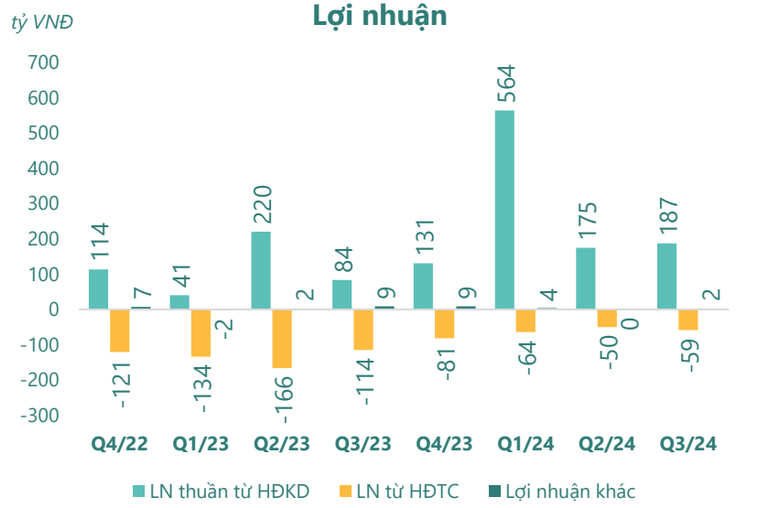
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



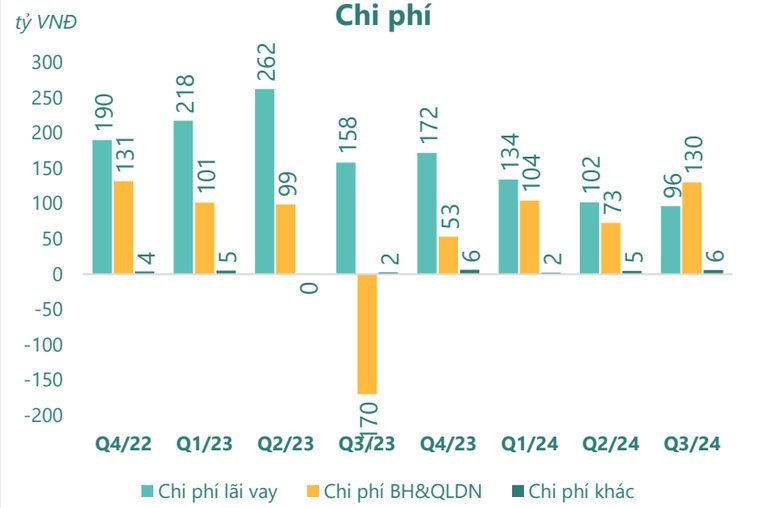
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



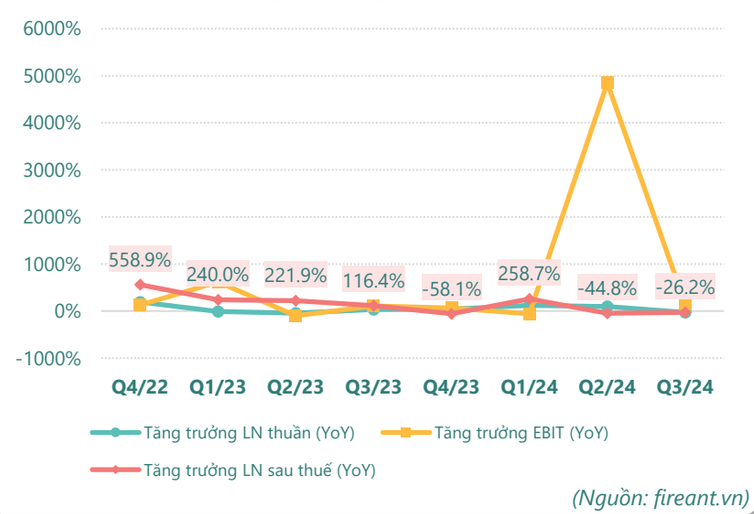
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



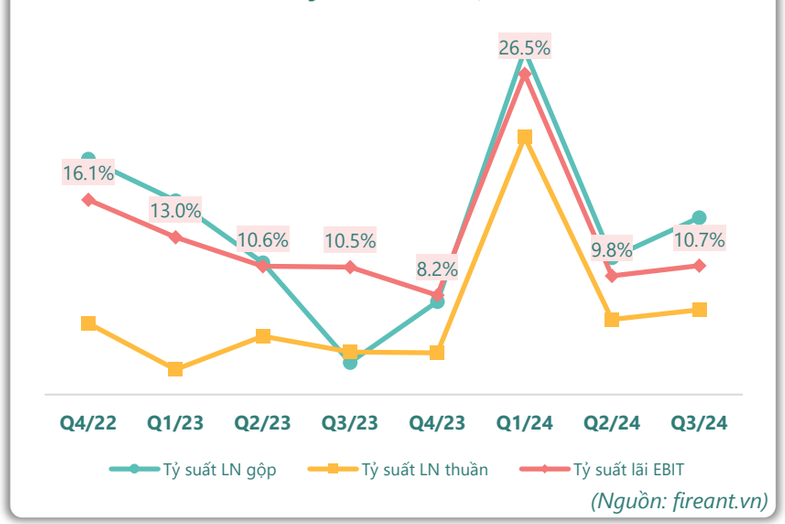
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



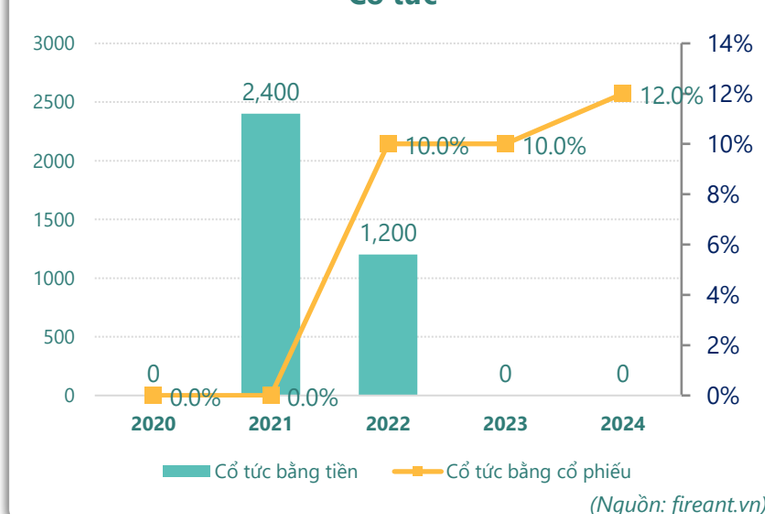
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

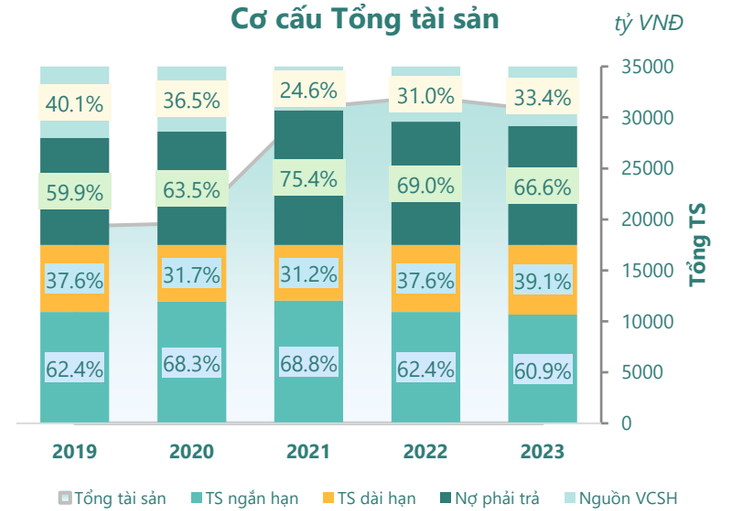
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

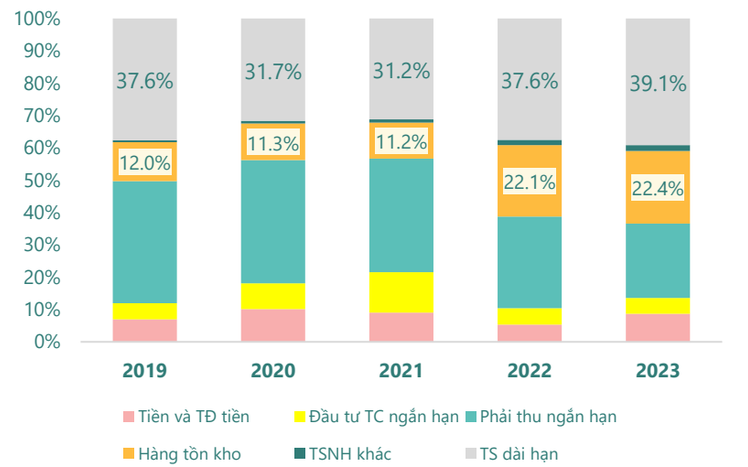
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



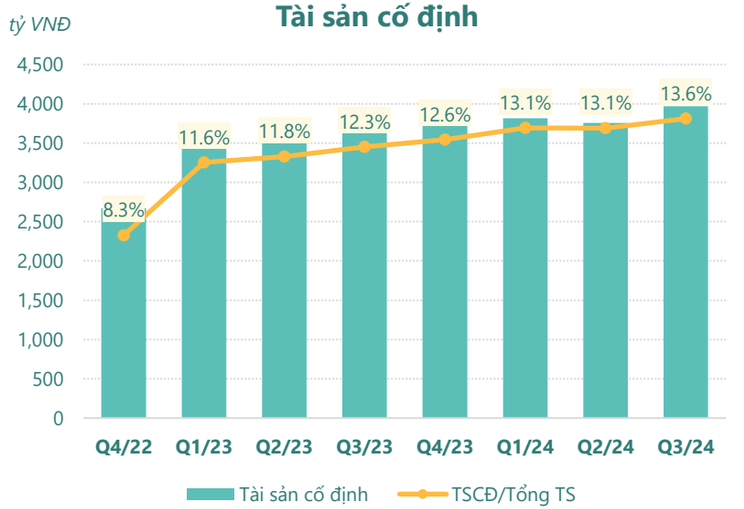
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



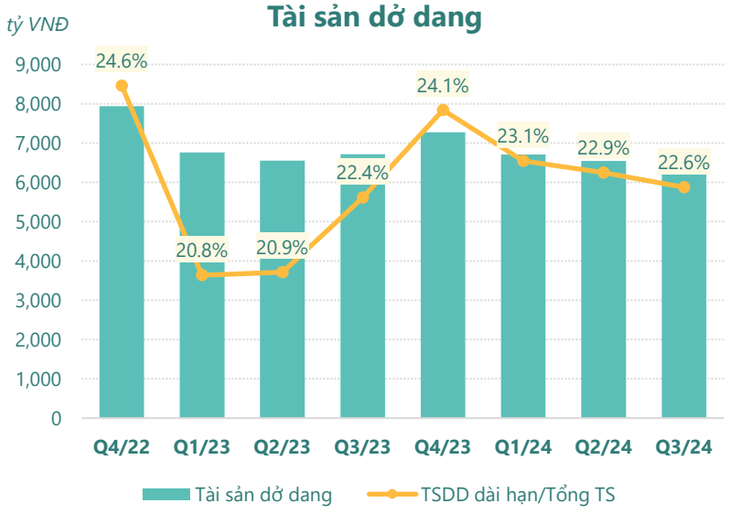
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



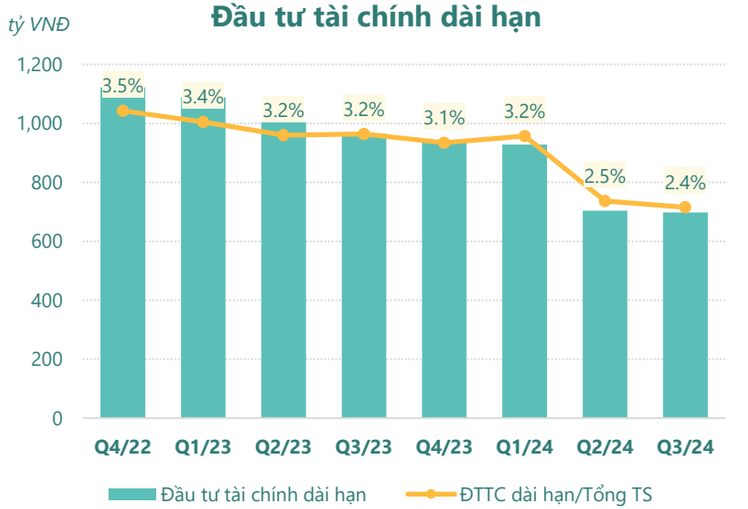
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



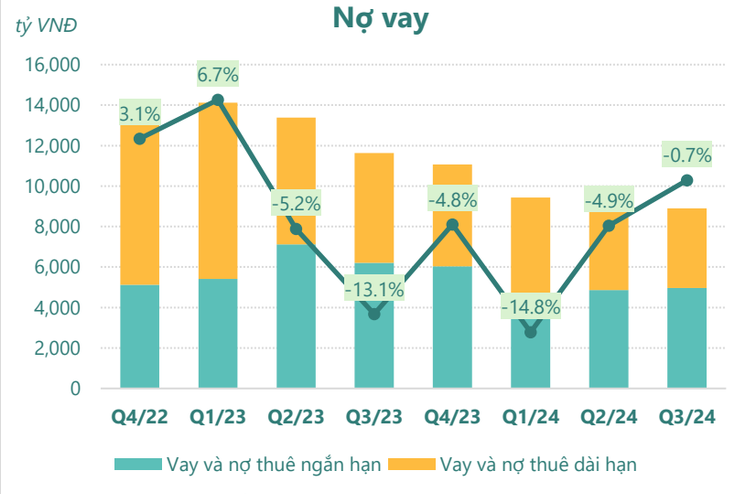
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

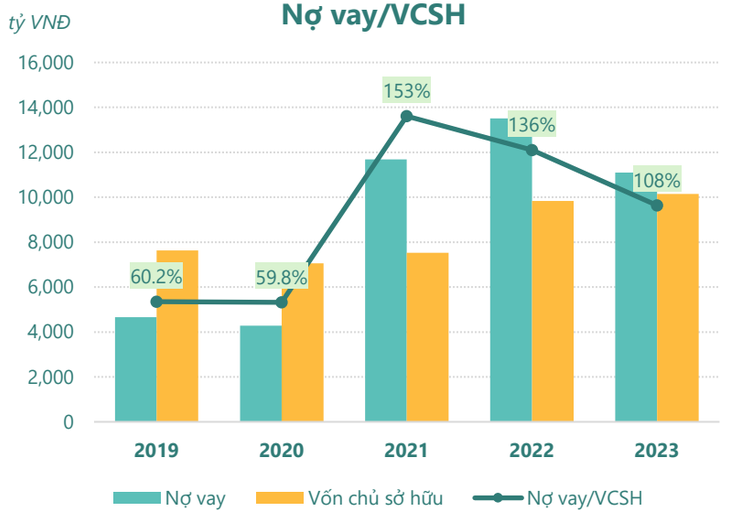
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

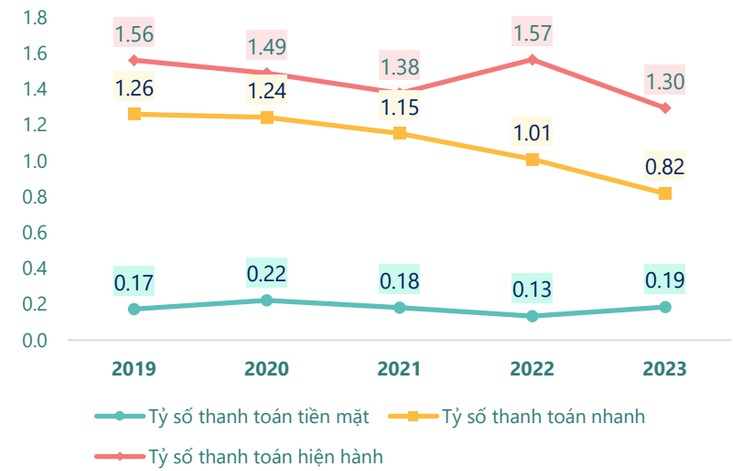
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



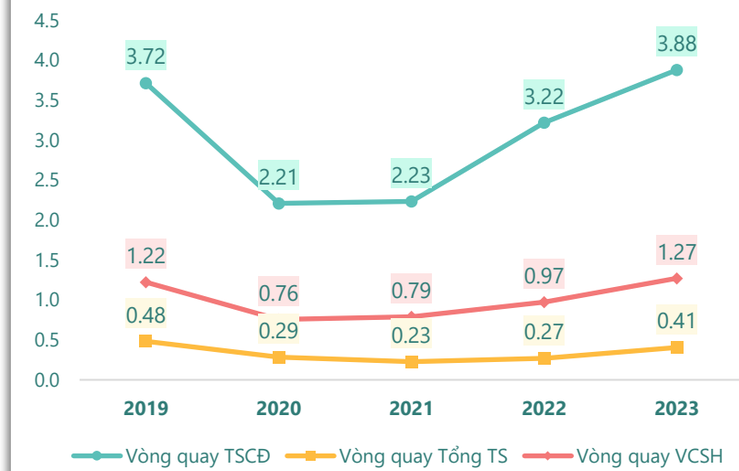
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



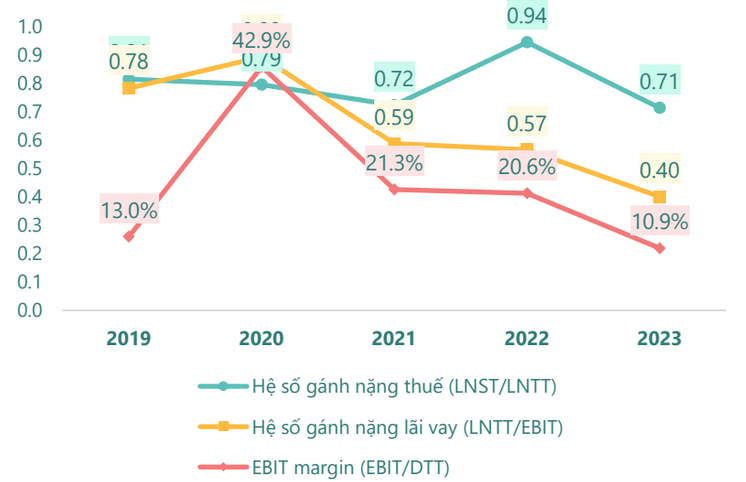
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



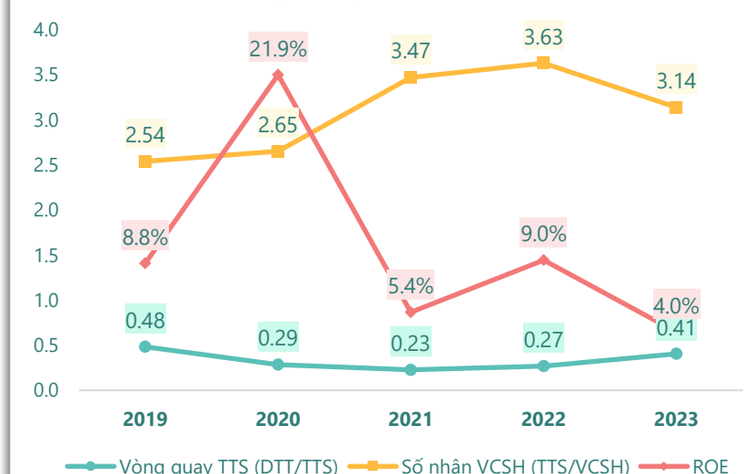
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



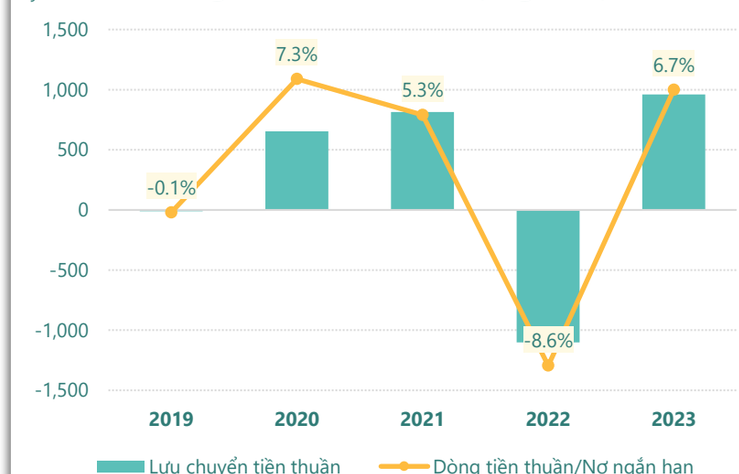
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,675**	**2,382**	**12.3%**	**8,139**	**8,915**	**-8.7%**
Giá vốn hàng bán	2,284	2,318	-1.5%	6,675	8,040	-17.0%
Lợi nhuận gộp	391	63.2	519%	1,464	876	67.2%
Doanh thu HĐTC	40.6	44.7	-9.2%	165	235	-29.6%
Chi phí TC	99.1	159	-37.7%	338	649	-47.9%
Chi phí lãi vay	96.2	158	-39.1%	332	638	-47.9%
LN trong công ty LKLD	**-15.6**	**-35.5**	**56.0%**	**-58.4**	**-86.6**	**32.5%**
Chi phí bán hàng	31.0	31.3	-1.1%	53.0	79.3	-33.2%
Chi phí QLDN	**99.1**	**-201**	**149%**	**254**	**-49.3**	**615%**
LN thuần từ HĐKD	187	83.5	124%	926	345	169%
Lợi nhuận khác	**1.85**	**8.85**	**-79.1%**	**5.68**	**8.94**	**-36.5%**
LN trước thuế	189	92.4	104%	932	354	163%
Lợi nhuận sau thuế	**147**	**27.5**	**436%**	**766**	**205**	**274%**
LNST của CĐ cty mẹ	**80.3**	**104**	**-22.8%**	**641**	**232**	**176%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	431	0	1,110	-311	667	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	671	0	478	609	128	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-748	0	-574	-1,659	-498	0
Tiền đầu kỳ	951	0	1,269	2,670	1,309	0
Lưu chuyển tiền thuần	**355**	**0**	**1,013**	**-1,361**	**297**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0.00	0.02	0.02	0
Tiền cuối kỳ	1,305	0	2,282	1,309	1,606	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**29,277**	**30,694**	**-4.6%**
Tài sản ngắn hạn	17,379	18,681	-7.0%
Tiền và tương đương tiền	1,129	2,670	-57.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,355	1,488	-8.9%
Phải thu ngắn hạn	6,740	7,070	-4.7%
Hàng tồn kho	7,643	6,888	11.0%
Tài sản ngắn hạn khác	512	565	-9.4%
Tài sản dài hạn	**11,898**	**12,014**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	55.9	6.18	805%
Tài sản cố định	3,968	3,862	2.7%
Bất động sản đầu tư	234	240	-2.5%
Tài sản dở dang	6,607	6,652	-0.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	698	940	-25.7%
Tài sản dài hạn khác	**261**	**228**	**14.6%**
Lợi thế thương mại	74.2	84.8	-12.6%
Nợ phải trả	18,340	20,453	-10.3%
Nợ ngắn hạn	**13,237**	**14,422**	**-8.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,958	6,136	-19.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,637	2,240	-26.9%
Nợ dài hạn	5,103	6,031	-15.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,944	4,962	-20.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,937**	**10,241**	**6.8%**
Vốn chủ sở hữu	**10,840**	**10,144**	**6.9%**
Vốn điều lệ	5,986	5,345	12.0%
Kinh phí và quỹ khác	**96.9**	**97.0**	**-0.1%**

(Nguồn: fireant.vn)